TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2026/DS-ST
Ngày: 05 – 3 – 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Trí

Ông Nguyễn Đông Hồ

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Mil là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2025/TLST-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp " *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Hoàng R, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Minh T (T), sinh năm 1975 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Út P, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Giữa ông Đặng Hoàng R và hộ ông Phạm Minh T, Nguyễn Út P có ký Hợp đồng mua bán với nội dung ông Đặng Hoàng R bán thức ăn nuôi tôm, thuốc và hóa chất phục vụ cho việc nuôi trồng thủy sản cho hộ ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Út P. Đến cuối vụ ông T và bà P phải thanh toán dứt điểm cho ông Đặng Hoàng R. Tuy nhiên khi Ông Đặng Hoàng R giao hàng theo đặt hàng cho vợ chồng ông T thì vợ chồng ông T không thực hiện đúng thỏa thuận, không thanh toán tiền mặt khi mua thức ăn. Đến ngày 20/8/2018 ông R cùng vợ chồng ông T, bà P đối chiếu công nợ thì vợ chồng ông T, bà P còn nợ ông Đặng Hoàng R số tiền 60.296.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Nay ông Đặng Hoàng R yêu cầu ông T và bà P là vợ ông T phải liên đới trả cho ông Đặng Hoàng R số tiền

nợ gốc là 60.296.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Út P biết về việc ông Đặng Hoàng R khởi kiện yêu cầu trả số tiền mua thức ăn tôm nợ gốc là 60.296.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Tòa án đã tống đạt cho ông T và bà P thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông T và bà P không đến và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của ông Đặng Hoàng R. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hòa giải đối với ông T và bà P được. Tòa án tiến hành triệu tập ông T và bà P để tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T và bà P vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án xét xử vắng mặt ông T và bà P theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là ông Đặng Hoàng R và bị đơn ông T, bà P là quan hệ pháp luật về " *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa* " được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Minh T, Nguyễn Út P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hai phiên tòa sơ thẩm mở vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 12/02/2026 và 07 giờ 30 phút ngày 05/3/2026, mặc dù bị đơn đã được thông báo về thời gian và địa điểm xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung tranh chấp giữa các đương sự: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T và bà P trả số tiền là nợ gốc nợ gốc là 60.296.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch mua bán hàng hóa là thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa các bên đương sự là có xảy ra trên thực tế và đến ngày 20/8/2018 ông T, bà P còn thiếu ông R số tiền là 60.296.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng) thể hiện tại theo dõi công nợ của ông R. Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch mua bán hàng hoá giữa nguyên đơn và bị đơn là thực tế có xảy ra và bị đơn ông T, bà P còn thiếu ông Đặng Hoàng R tính đến ngày 20/8/2018 tổng số tiền 60.296.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng) nhưng chưa thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận. Về phần lãi suất chậm trả, do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất chậm trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với bà P là vợ của ông T, mặc dù trong vụ án này bà P không có ý kiến đối với yêu cầu trả nợ của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn xác

định trong thời gian chung sống ông T và bà P có mua thức ăn nuôi tôm công nghiệp của ông Đặng Hoàng R để nuôi tôm công nghiệp, sử dụng phát triển kinh tế chung trong gia đình. Từ trước đến nay thì hôn nhân của ông bà vẫn đang tồn tại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đây là khoản nợ chung của ông T và bà P trong thời kỳ hôn nhân, theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì ông T, bà P phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Đặng Hoàng R là phù hợp.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông T, bà P đã biết việc ông Đặng Hoàng R khởi kiện và biết các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhưng ông T, bà P không có ý kiến phản đối hay đưa ra tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về việc đã trả số nợ cho ông Đặng Hoàng R hay chưa, nên việc ông Đặng Hoàng R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích ở trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc ông Phạm Minh T và Nguyễn Út P phải trả cho ông Đặng Hoàng R số tiền nợ vốn gốc là 60.296.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Ông Phạm Minh T và Nguyễn Út P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.014.800 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng R.

Buộc ông Phạm Minh T và Nguyễn Út P phải liên đới trả cho ông Đặng Hoàng R số tiền là nợ vốn là 60.296.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Trong trường hợp ông Phạm Minh T và Nguyễn Út P chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Út P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.014.800 đồng, nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Đặng Hoàng R không phải chịu án phí, đã qua có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002649, ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, ông Đặng Hoàng R có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Minh T và Nguyễn Út P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 4 – tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Kiệt